Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-30 15:07:46 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28/2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và việc tổ chức thực hiện đăng kiểm cho các phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá;

b) Phương tiện thủy nội địa không có động cơ và có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người;

c) Phương tiện thủy nội địa có động cơ và có công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người;

d) Bè.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị đăng kiểm là các đơn vị sự nghiệp công lập, các chi nhánh của đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp được thành lập theo quy định hoạt động dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là sản phẩm công nghiệp) gồm: vật liệu, máy và các trang thiết bị được sử dụng, lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa.

3. Hồ sơ thiết kế là các bản vẽ và tài liệu kỹ thuật được lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia làm căn cứ kỹ thuật cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, phân cấp, kiểm tra và khai thác phương tiện thủy nội địa hoặc chế tạo, kiểm tra sản phẩm công nghiệp.

4. Tài liệu hướng dẫn là tài liệu được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để cung cấp thông tin cho thuyền trưởng, thuyền viên trong khai thác, vận hành phương tiện thủy nội địa và các máy, trang thiết bị của phương tiện thủy nội địa nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

5. Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn là việc kiểm tra, soát xét hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn để đưa ra kết luận về tính tuân thủ của hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn với quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

6. Phương tiện đóng theo mẫu là các phương tiện thủy nội địa được đóng mới theo cùng một hồ sơ thiết kế được đơn vị đăng kiểm thẩm định.

7. Mô tô nước là phương tiện thủy nội địa được sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí với chiều dài thân phương tiện nhỏ hơn 4 m, sử dụng động cơ đẩy kiểu bơm phụt nước và được vận hành bởi người ngồi, đứng hoặc quỳ trên thân phương tiện mà không ở trong không gian kín của thân phương tiện.

8. Tổ chức đăng kiểm nước ngoài gồm thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS) hoặc tổ chức chứng nhận được các quốc gia có tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến thừa nhận (các quốc gia là thành viên của G7, EU, các quốc gia Úc, New Zealand, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga).

Chương II

ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

1. Dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa bao gồm:

a) Thẩm định hồ sơ thiết kế.

b) Thẩm định tài liệu hướng dẫn.

c) Kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp.

d) Kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và trong quá trình hoạt động.

2. Đơn vị đăng kiểm cung cấp dịch vụ đăng kiểm theo quy định của pháp luật và quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp.

Điều 5. Các loại hình kiểm tra phương tiện thủy nội địa

1. Các loại hình kiểm tra phương tiện thủy nội địa bao gồm:

a) Kiểm tra lần đầu, bao gồm: kiểm tra phương tiện khi đóng mới, phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm, phương tiện nhập khẩu.

b) Kiểm tra chu kỳ, bao gồm: kiểm tra định kỳ; kiểm tra hàng năm; kiểm tra trên đà; kiểm tra trung gian.

c) Kiểm tra bất thường.

d) Kiểm tra hoán cải.

2. Nội dung và thời hạn các loại hình kiểm tra được thực hiện theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa.

Điều 6. Nguyên tắc đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

1. Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định, kiểm tra theo đúng phạm vi ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Đăng kiểm viên không thực hiện đồng thời cả thẩm định hồ sơ thiết kế và kiểm tra hiện trường đối với cùng một phương tiện thủy nội địa.

2. Đối với phương tiện nhập khẩu đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật (trừ mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí), đơn vị đăng kiểm thực hiện thẩm định, kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trên cơ sở hồ sơ chứng nhận an toàn kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, tài liệu hướng dẫn vận hành (nếu có) và các bản vẽ bố trí chung, mạn khô, tín hiệu, cứu sinh, cứu hỏa, bản tính mạn khô, thuyết minh về hệ thống máy tàu, điện tàu, trang bị an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện trong một trong hai trường hợp sau:

a) Phương tiện giữ nguyên công dụng;

b) Phương tiện là tàu chở người hoặc tàu cao tốc chở người.

3. Đối với mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí, đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trên cơ sở tài liệu hướng dẫn vận hành và các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có).

4. Đối với phương tiện thủy nội địa thuộc đối tượng quy định tại điểm a Mục 16 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đơn vị đăng kiểm thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy trong khai thác sử dụng theo phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

5. Đối với sản phẩm công nghiệp đã được chứng nhận là sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển theo quy định pháp luật hoặc đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài chứng nhận là sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển thì

không phải chứng nhận lại khi sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

6. Các đơn vị đăng kiểm được phép liên danh với nhau thực hiện dịch vụ đăng kiểm quy định tại Điều 4 Thông tư này. Đơn vị đăng kiểm đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm đóng dấu thẩm định vào hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận.

Điều 7. Hồ sơ đăng kiểm

1. Hồ sơ đăng kiểm bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn.

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (theo mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Các giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (theo mẫu số 02, mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Biên bản, báo cáo kiểm tra kỹ thuật về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Hồ sơ đăng kiểm bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

Điều 8. Số kiểm soát

1. Số kiểm soát được ấn định khi đơn vị đăng kiểm thiết lập lần đầu thông tin, dữ liệu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa trên phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Số kiểm soát gồm phần chữ và phần số. Phần chữ gồm hai chữ cái in hoa là VR. Phần số gồm 8 (tám) chữ số, 2 (hai) chữ số đầu là 2 (hai) chữ số cuối của năm đóng phương tiện, 6 (sáu) chữ số tiếp theo là số tự nhiên do phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa xác định tự động.

3. Quy cách số kiểm soát theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức, hướng dẫn, quản lý thống nhất việc thực hiện công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định của Thông tư này.

2. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu phương tiện thủy nội địa của các đơn vị đăng kiểm; xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống tra cứu thông tin đăng kiểm phương tiện trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử Cục Đăng kiểm Việt Nam theo số đăng ký, số đăng kiểm, số kiểm soát.

3. Kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa của các đơn vị đăng kiểm; xử lý hoặc đề nghị xử lý sai phạm của cá nhân và đơn vị đăng kiểm theo quy định.

4. Xem xét, chấp thuận áp dụng tương đương, miễn giảm các yêu cầu kỹ thuật, gia hạn kiểm tra đối với phương tiện thủy nội địa theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức, quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên địa bàn quản lý của địa phương.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra hoạt động của các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn quản lý của địa phương.

3. Tuyên truyền, vận động, kiểm tra, xử lý những trường hợp không tuân thủ các quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên địa bàn quản lý của địa phương.

4. Trên cơ sở hồ sơ thiết kế thỏa mãn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa hoạt động vùng SIII trên địa bàn quản lý của địa phương, tổ chức công bố hồ sơ thiết kế phương tiện đóng theo mẫu và sao thiết kế cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đóng mới và đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1. Công khai năng lực, quy trình cung cấp dịch vụ đăng kiểm, thời gian làm việc, giá dịch vụ đăng kiểm và gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố liên quan.

2. Thực hiện thẩm định, kiểm tra, chứng nhận phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ và theo quy định pháp luật.

3. Quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm, thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, đăng kiểm viên và nhân viên; phòng, chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm của đơn vị.

4. Tuân thủ sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam và sự chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương.

5. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động dịch vụ đăng kiểm của cơ quan chức năng.

6. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong ứng phó các trường hợp phương tiện thủy nội địa do đơn vị kiểm tra, chứng nhận bị tai nạn và báo cáo, cập nhật thông tin theo yêu cầu về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm và Sở Xây dựng có liên quan.

7. Khi nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị đăng kiểm phải tổ chức thực hiện kiểm tra và trả lời

bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo nội dung, thời gian và địa điểm yêu cầu kiểm tra.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ phương tiện, cơ sở thiết kế, cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện, cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp, cơ sở thử nghiệm phục vụ công tác đăng kiểm

1. Thực hiện các quy định về đăng kiểm phương tiện, sản phẩm công nghiệp tại Thông tư này và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Nộp lệ phí, thanh toán giá dịch vụ đăng kiểm theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa và Tem kiểm định đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có giá trị pháp lý cho đến khi hết hạn ghi trên Tem hoặc khi phương tiện thực hiện kiểm tra chu kỳ.

3. Phương tiện có số kiểm soát với chữ VS trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có giá trị pháp lý.

4. Các Thông tư sau hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

c) Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

5. Bãi bỏ:

a) Điều 9 Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

b) Khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

c) Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Chương IV Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I

BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu
1	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số 01
2	Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số 02
3	Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số 03

Mẫu số 01

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ:……..…...…..; **Trên đà**:……..……..…..……

Hàng năm:……..……..; **Trung gian**:……..……

01 ảnh tổng thể phương tiện (mạn phải hoặc mạn trái) ảnh kỹ thuật số có độ phân giải 1280x720 pixel

01 ảnh số kiểm soát (ảnh kỹ thuật số có độ phân giải 1280x720 pixel)

Số kiểm soát:……..……..

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: ……

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện:.....Số đăng ký:.....
Công dụng: .....Số đăng kiểm:.....
Năm và nơi đóng:.....
Kích thước cơ bản: L x B x D x d .... m;
L_{max} x B_{max}: ..... …..m; Mạn khô (F):.....mm;
Vật liệu:.....; Tổng dung tích (GT): .....;
Số lượng máy chính/phụ:.....; Tổng công suất: ...../.....sức ngựa;
Căn cứ kết quả kiểm tra đã thực hiện, chứng nhận rằng phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và được trao cấp:
……..…….
Vùng hoạt động: ……..……
Khả năng khai thác: ……..……
……...…..
……..…..…..
.....

Cấp tại ....., ngày .... tháng .... năm .....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Số:……..….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂU SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CHỨNG NHẬN sản phẩm dưới đây được sản xuất bởi cơ sở chế tạo nêu trong Giấy chứng nhận này phù hợp với:

.....

Sản phẩm được công nhận: .....

Kiểu:.....

Cơ sở chế tạo:.....

Phạm vi áp dụng:.....

Tiêu chuẩn kiểm tra: .....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày: .....

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với quy định:.....

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ: .....

Cấp tại:……. Ngày:……

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định:

.....

.....

Thử được thực hiện:

.....

.....

Đặc tính của sản phẩm:

.....

.....

Đánh dấu trên sản phẩm:

.....

.....

Các điều kiện khác:

.....

.....

XÁC NHẬN CHU KỲ

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận kiểu sản phẩm của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Ngày: ..... **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Số:……..….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CHỨNG NHẬN (các) sản phẩm sau đây đã được kiểm tra và phù hợp với:

.....

Số lượng và tên sản phẩm: .....

Cơ sở chế tạo: .....

Sử dụng cho: .....

Số giấy chứng nhận kiểu sản phẩm:.....; Số thẩm định thiết kế:.....

Số xuất xưởng: .....

Hạn chế áp dụng: .....

Tiêu chuẩn kiểm tra: .....

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau:

Cấp tại:……. Ngày:……

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Các đặc tính:

.....

.....

.....

.....

Lưu ý:

.....

.....

.....

.....

Phụ lục II
KÍCH THƯỚC, VỊ TRÍ SỐ KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Đối với phương tiện thủy nội địa vỏ thép, hợp kim nhôm

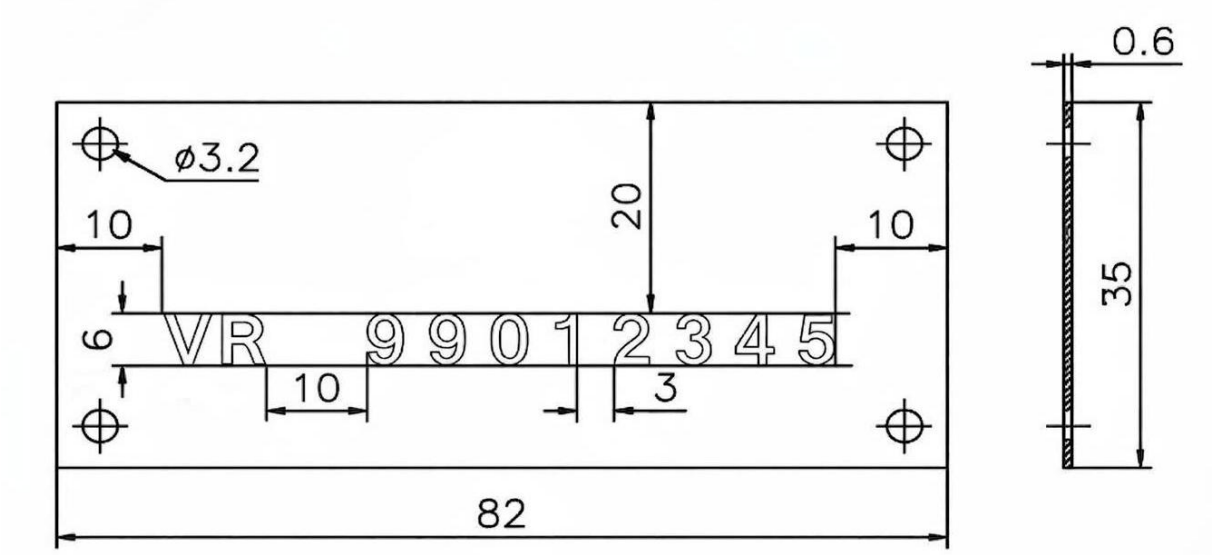
a) Cách gắn: Số kiểm soát được làm sẵn bằng thép dẹt (đối với phương tiện thủy nội địa vỏ thép), nhôm dẹt (đối với phương tiện thủy nội địa vỏ hợp kim nhôm) và hàn cố định (hàn liên tục) phía dưới vị trí kẻ số đăng ký hành chính.

b) Kích thước (chiều cao x chiều rộng) của chữ và số kiểm soát là (100 x 60) mm, chiều rộng nét chữ và số là 15 mm; chữ và số kiểm soát được sơn cùng màu với số đăng ký hành chính.

2. Đối với phương tiện thủy nội địa vỏ gỗ, chất dẻo cốt sợi thủy tinh:

a) Số kiểm soát được đóng vào tấm làm bằng vật liệu nhôm (xem Hình 1) và gắn bằng đinh tán lên tàu tại vị trí sau: Nếu phương tiện thủy nội địa có vô lăng lái thì gắn trên vô lăng lái; Nếu phương tiện thủy nội địa không có vô lăng lái thì gắn trên đài lái trước cần điều khiển lái. Số kiểm soát của phương tiện thủy nội địa có chiều cao là 6 mm.

b) Các phương tiện thủy nội địa khác chọn vị trí đóng, gắn số kiểm soát sao cho dễ quan sát.



Hình 1